TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2025/DS-ST
Ngày 19/6/2025
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Dũng

2. Ông Nguyễn Đình Đoan Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2025/TLST-DS, ngày 21 tháng 4 năm 2025, về *"Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 450/2025/QĐXXST-DS, ngày 29 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 204/2025/QĐST-DS ngày 10/6/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Võ Hữu T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ B, ấp T, xã M, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* chị Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1998;

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã T, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H, chị N có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H có cho ông Võ Hữu T vay số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 04/10/2024, có lập giấy mượn nợ xác nhận giữa 2 bên. Giao tiền mặt: 56.000.00 đồng, chuyển khoản: 144.000.000 đồng, không có lãi suất vì ông T quen biết với chị N con của bà H, nên bà H tin tưởng là ông T chỉ mượn đỡ, hứa sẽ trả lại ngay. Số tiền được chuyển từ tài khoản Ngân hàng của con gái bà H là Nguyễn Thị Cẩm N. STK Vietcombank 0601000520072 gửi qua tài khoản ngân hàng Vietcombank của anh Võ Hữu T Số Tk: 9939873630.

Nay bà Nguyễn Thị H yêu cầu anh Võ Hữu T trả số tiền 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi với số tiền này, ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn ông Võ Hữu T vắng mặt, đồng thời cũng không có văn bản trình bày nội dung giải quyết vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cẩm N trình bày:

Số tiền 144.000.000 đồng là số tiền của bà H nhờ chị N chuyển từ tài khoản Ngân hàng của chị N, STK Vietcombank 0601000520072 gửi qua tài khoản ngân hàng Vietcombank của ông T, vì bà H không biết cách chuyển khoản. Chị N xác định số tiền vay của bà H, không phải của chị N nên ông T mới làm biên nhận với bà H. Nay chị N không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này, đồng ý ông T trả số tiền vay cho bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn là Võ Hữu T trả số tiền nợ vay nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Võ Hữu T có nơi cư trú tại thành phố Cao Lãnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh.

Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, nhưng bị đơn Võ Hữu T không có mặt tại phiên tòa. Do đó căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ông Võ Hữu T trả số tiền vay là 200.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn nợ ngày 04/10/2024, thể hiện ông Võ Hữu T vay số tiền 200.000.000 đồng của bà H; trong đó, giao tiền

mặt là 56.000.000 đồng và chuyển khoản 144.000.000 đồng là số tiền được chuyển từ tài khoản Ngân hàng của con gái bà H là Nguyễn Thị Cẩm N, được chị N thừa nhận số tiền này là bà H nhờ chị N chuyển cho ông T.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*.

Tại Điều 463 Bộ luật dân sự quy định: *"Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"* và tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định *"1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn……"*.

Từ những phân tích và căn cứ quy định nêu trên, Hội đồng xét xử xác định bà H có cho ông T vay số tiền 200.000.000 đồng như trên là có thật. Đối với ông T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông T không có văn bản ý kiến, không đến Tòa để trình bày và yêu cầu về nội dung giải quyết việc vay tiền như thế nào, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xác định được ông T có trả được số tiền nào cho bà H hay không và các nội dung khác. Do đó, việc bà H cho rằng ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H theo nội dung hai bên thoả thuận trong Giấy mượn nợ nên việc bà H khởi kiện yêu cầu ông T trả nợ là có căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do ông T phải trả cho bà H số tiền 200.000.000 đồng nên phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (200.000.000 đồng x 5%)

Bà H không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự. điểm b Khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao *"hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm"* và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

2/ Buộc ông Võ Hữu T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Hữu T nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003461 ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án Tỉnh;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Hồng